

Số: 51/2017/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 03 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động khí tượng
thủy văn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định các bộ dữ liệu, chuẩn dữ liệu và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và đánh giá khí hậu quốc gia;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2020/TTr-STNMT ngày 23 tháng 5 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; gồm 07 Chương, 36 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ngày 13 tháng 7 năm 2017 và thay thế các quyết định: Quyết định số 185/2008/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy chế quản lý, khai thác và bảo vệ các trạm thủy văn, trạm đo mưa chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 1526/2010/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *N3*

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Trần Quốc Nam;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Ninh Thuận;
- TT Công báo tỉnh Ninh Thuận;
- VPUB: CVP, PCVP (L.T.Dũng);
- Lưu: VT, KT, HT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Quốc Nam

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 51 /2017/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động khí tượng thủy văn gồm: Quản lý, khai thác mạng lưới trạm và dự báo, cảnh báo của các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng; khai thác, sử dụng và quản lý thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn; đánh giá tác động, các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu và quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn.

Những quy định khác liên quan đến hoạt động khí tượng thủy văn thực hiện theo quy định của Luật Khí tượng thủy văn và các văn bản của Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành Luật Khí tượng thủy văn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khí tượng thủy văn là cụm từ chỉ chung khí tượng, thủy văn và hải văn.
2. Khí tượng là trạng thái của khí quyển, quá trình diễn biến của các hiện tượng tự nhiên trong khí quyển.
3. Thủy văn là trạng thái, quá trình diễn biến và sự vận động của nước sông, suối, kênh, rạch, hồ.
4. Hải văn là trạng thái, quá trình diễn biến và sự vận động của nước biển.
5. Quan trắc khí tượng thủy văn là việc quan sát, đo đạc trực tiếp hoặc gián tiếp một cách có hệ thống các thông số biểu hiện trạng thái, hiện tượng, quá trình diễn biến của khí quyển, nước sông, suối, kênh, rạch, hồ và nước biển.
6. Thời tiết là trạng thái của khí quyển tại một thời điểm và khu vực cụ thể được xác định bằng các yếu tố và hiện tượng khí tượng.

7. Dự báo khí tượng thủy văn là đưa ra thông tin, dữ liệu về trạng thái, quá trình diễn biến và hiện tượng khí tượng thủy văn trong tương lai ở một khu vực, vị trí với khoảng thời gian xác định.

8. Cảnh báo khí tượng thủy văn là đưa ra thông tin, dữ liệu về nguy cơ xảy ra các hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm, bất thường có thể ảnh hưởng hoặc gây thiệt hại về người, tài sản và môi trường.

9. Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn là sản phẩm của tổ chức, cá nhân hoạt động dự báo, cảnh báo, thể hiện thông tin, dữ liệu dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn dưới dạng văn bản, bảng số liệu, bản đồ, biểu đồ, biểu tượng, hình ảnh, âm thanh.

10. Khí hậu là tổng hợp các điều kiện thời tiết ở một khu vực nhất định, đặc trưng bởi các đại lượng thống kê dài hạn của các yếu tố khí tượng tại khu vực đó.

11. Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của các điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người, biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan.

12. Giám sát biến đổi khí hậu là quá trình thu thập thông tin, dữ liệu, phân tích, đánh giá, theo dõi diễn biến của khí hậu trong khoảng thời gian dài để xác định các biểu hiện của biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội.

13. Công trình khí tượng thủy văn là cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành để lắp đặt phương tiện đo, thiết bị thông tin khí tượng thủy văn.

14. Trạm khí tượng thủy văn là nơi được lựa chọn theo các yêu cầu kỹ thuật chuyên môn để đặt một hoặc nhiều công trình khí tượng thủy văn, gồm các loại: Trạm khí tượng bề mặt, trạm khí tượng trên cao, trạm ra đa thời tiết, trạm khí tượng nông nghiệp, trạm thủy văn, trạm hải văn, trạm đo mưa, trạm định vị sét và các loại trạm chuyên đề khác.

15. Hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn là khoảng không, diện tích mặt đất, dưới đất, mặt nước, dưới nước cần thiết để bảo đảm công trình khí tượng thủy văn hoạt động đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, dữ liệu khí tượng thủy văn thu được phản ánh khách quan tính tự nhiên của khu vực, bảo đảm độ chính xác theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

Điều 4. Truyền thông về hoạt động khí tượng thủy văn

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh có trách nhiệm:

1. Tổ chức truyền, phát tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn do hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia ban hành và thông tin về biến đổi khí hậu phục vụ phòng, chống thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Đài khí tượng thủy văn tỉnh, các đơn vị có liên quan xây dựng chương trình phát thanh, truyền hình để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về khí tượng thủy văn và khai thác hiệu quả tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thông tin về biến đổi khí hậu.

Chương II

QUẢN LÝ, KHAI THÁC MẠNG LƯỚI TRẠM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CHUYÊN DÙNG

Điều 5. Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng

1. Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn theo mục đích riêng do Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân xây dựng, quản lý và khai thác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm lập và phê duyệt kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng

1. Thành lập trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng theo kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tỉnh;

b) Tổ chức, cá nhân tự quyết định thành lập trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng theo nhu cầu riêng;

c) Người có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này có trách nhiệm thông báo việc thành lập trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đặt trạm.

2. Việc di chuyển trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng do người có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân thành lập trạm quyết định; sau khi di chuyển phải thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đặt trạm.

3. Giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng:

a) Giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trong trường hợp: Trạm không còn trong kế hoạch phát triển của tỉnh và không đủ điều kiện để chuyển sang mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia; không bảo đảm điều kiện kỹ

thuật để quan trắc mà không thể di chuyển được; mục đích hoạt động của trạm đã hoàn thành;

b) Người có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân thành lập trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng quyết định giải thể trạm khí tượng thủy văn thuộc quyền quản lý; sau khi giải thể phải thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đặt trạm.

Điều 7. Hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng

Căn cứ các quy định về hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia quy định tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 7 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP của Chính phủ, cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng thuộc quyền quản lý.

Điều 8. Bảo vệ hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan xác định ranh giới và bảo vệ hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn thuộc quyền quản lý.

Điều 9. Quan trắc khí tượng thủy văn

1. Yêu cầu đối với quan trắc khí tượng thủy văn:

a) Quan trắc phải chính xác, liên tục, thống nhất theo quy chuẩn kỹ thuật, quy trình chuyên môn;

b) Kết quả quan trắc phải bảo đảm tính đại diện, phản ánh khách quan điều kiện tự nhiên, hiện trạng các hiện tượng khí tượng thủy văn của khu vực đặt trạm;

c) Thông tin, dữ liệu quan trắc phải được kiểm tra, đánh giá chất lượng.

2. Công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn gồm:

a) Sân bay;

b) Hồ chứa thủy lợi có cửa van điều tiết, lũ và hồ chứa thủy điện có dung tích toàn bộ từ ba triệu mét khối (3.000.000 m³) trở lên; hồ chứa thuộc phạm vi điều chỉnh của quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông;

c) Cảng biển loại I và loại II;

d) Cầu qua vùng cửa sông ven biển, eo biển, vịnh hoặc các đảo vùng nội thủy có khẩu độ thông thuyền từ 500 mét trở lên;

đ) Tháp thu phát sóng phát thanh, truyền hình có kết hợp khai thác tham quan, kinh doanh phục vụ khách trên tháp;

e) Cáp treo phục vụ hoạt động tham quan, du lịch;

g) Vườn quốc gia.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ hàng năm rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục công trình và chủ công trình phải tổ chức quan trắc khí tượng thủy văn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 10. Nội dung và vị trí quan trắc khí tượng thủy văn

Nội dung và vị trí quan trắc khí tượng thủy văn của các công trình quy định tại Khoản 2 Điều 9 Quy định này thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn

1. Chủ công trình quy định tại Khoản 2 Điều 9 và chủ công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng không thuộc quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Quy định này tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn quan trắc được cho hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 5 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

2. Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 7 năm 2016), chủ công trình quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Quy định phải tổ chức quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo quy định.

Chương III

DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÔNG THUỘC HỆ THỐNG DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN QUỐC GIA

Điều 12. Điều kiện hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức

1. Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật về dân sự.
2. Có cơ sở vật chất, kỹ thuật tối thiểu đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn gồm: Trang thiết bị, hệ thống tính toán, thu nhận, xử lý thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn; có nguồn cung cấp dữ liệu ổn định; có quy trình kỹ thuật, công cụ dự báo, bảo đảm tính khoa học, độc lập, khách quan của các sản phẩm dự báo; có quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo.
3. Có đội ngũ nhân lực tối thiểu 03 người, trong đó ít nhất một người tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành khí tượng thủy văn và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

Điều 13. Điều kiện hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của cá nhân

1. Có cơ sở vật chất, kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Quy định này.
2. Tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành khí tượng thủy văn và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

Điều 14. Điều kiện hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh

1. Có các điều kiện tương ứng quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Quy định này.
2. Đang hoạt động, cư trú hợp pháp tại Việt Nam.
3. Có nhân lực thông thạo tiếng Việt hoặc có phiên dịch phù hợp.

Điều 15. Cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức, cá nhân thực hiện dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong phạm vi tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính về lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận.

3. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có trách nhiệm tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động dự báo, cảnh báo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật Khí tượng thủy văn.

4. Thời hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn:

a) Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn được cấp có thời hạn tối đa là 05 năm;

b) Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn được xem xét gia hạn khi tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại Quy định này và trong thời gian hoạt động theo giấy phép đã được cấp không vi phạm pháp luật, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm.

5. Hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia, nghiên cứu khoa học, học tập, giảng dạy mà không công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc sử dụng trong hoạt động dịch vụ khí tượng thủy văn thì không phải xin cấp giấy phép.

Chương IV

KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN

Điều 16. Nguyên tắc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn

1. Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn phải có nguồn gốc rõ ràng, được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp xác nhận và chịu trách nhiệm về nguồn gốc của thông tin, dữ liệu.

2. Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn được sử dụng phục vụ thiết kế công trình, chương trình, quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội phải được cập nhật đến năm gần nhất.

3. Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn phải được sử dụng đúng mục đích.

4. Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn được khai thác, sử dụng không phải trả phí thì không được sử dụng vào mục đích lợi nhuận.

Điều 17. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn

1. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn không phải trả phí thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 25 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

2. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn phải trả phí thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

3. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

Điều 18. Thẩm quyền cung cấp, xác nhận nguồn gốc của thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn

Cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ quản lý trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh có thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn và xác nhận nguồn gốc của thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn do trạm của mình quan trắc.

Điều 19. Trách nhiệm thẩm định, thẩm tra, đánh giá nguồn gốc của thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân, chủ chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội có sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc của thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thẩm định, thẩm tra, đánh giá chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội có sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn có trách nhiệm thẩm định, thẩm tra nguồn gốc và việc sử dụng thông tin, dữ liệu theo nguyên tắc quy định tại Điều 16 của Quy định này.

Điều 20. Giao nộp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn

1. Cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để quan trắc, điều tra, khảo sát khí tượng thủy văn và các hoạt động khí tượng thủy văn khác có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn cho cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia theo quy định của Luật Khí tượng thủy văn và các quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn.

2. Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn giao nộp phải có nguồn gốc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin, dữ liệu.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung tại Khoản 1 và 2 Điều này theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 07/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định các bộ dữ liệu, chuẩn dữ liệu và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.

Điều 21. Cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn của tỉnh

Sở Tài nguyên và Môi trường giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 07/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bảo đảm tính thống nhất và trao đổi được với cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.

Chương V

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, ĐÁNH GIÁ CÁC GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG VÀ GIẢM NHẸ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Điều 22. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu

1. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu bao gồm việc phân tích, đánh giá các tác động tiêu cực, tích cực, ngắn hạn, dài hạn của biến đổi khí hậu đến thiên tai, tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống, hoạt động kinh tế - xã hội và các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên lĩnh vực, nhằm xác định các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, mục tiêu lâu dài của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc danh mục thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.

2. Nội dung và trình tự đánh giá tác động của biến đổi khí hậu thực hiện theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 5 Thông tư số 08/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và đánh giá khí hậu quốc gia.

Điều 23. Đánh giá các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu

1. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc danh mục thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, trong quá trình xây dựng phải đánh giá các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

2. Nội dung, trình tự đánh giá các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 6 Thông tư số 08/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 24. Trách nhiệm đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, đánh giá các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

1. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của tỉnh thuộc trường hợp phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược có trách nhiệm đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, đánh giá các giải

pháp thích ứng và giảm nhẹ với biến đổi khí hậu theo quy định tại Điều 22, Điều 23 của Quy định này.

2. Kết quả đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, đánh giá các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ với biến đổi khí hậu được thể hiện đầy đủ trong báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Luật Khí tượng thủy văn. Việc thẩm định được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 37 Luật Khí tượng thủy văn.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ VỀ HOẠT ĐỘNG KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 25. Phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hoạt động khí tượng thủy văn

1. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thường xuyên tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, chú trọng đối với đồng bào ở miền núi, ngư dân ven biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân tham gia bảo vệ công trình khí tượng thủy văn, tiếp nhận, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn và chấp hành các quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu.

Điều 26. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo, thông tin, dữ liệu, cung cấp dịch vụ khí tượng thủy văn và truyền, phát tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

5. Tham gia thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch,

chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức. Nội dung thẩm định, thẩm tra, đánh giá gồm:

a) Thẩm định, thẩm tra, đánh giá nguồn gốc thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn;

b) Thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc lồng ghép kết quả giám sát biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

6. Tổ chức đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, xây dựng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực, khu vực thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

8. Phối hợp với các cơ quan có liên quan phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu; thực hiện các biện pháp phát triển hoạt động phục vụ, dịch vụ khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh.

9. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về hoạt động khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật.

10. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khí tượng thủy văn; giải quyết khiếu nại, tố cáo về khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

11. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, báo cáo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh.

Điều 27. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Tổ chức tiếp nhận, thẩm định cấp và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư kinh doanh ngành nghề dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tổ chức hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý thực hiện:

1. Khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn, tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan;

2. Cung cấp dữ liệu đo đạc từ các công trình có quan trắc khí tượng thủy văn cho Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn của tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Sở Xây dựng

1. Khi cấp phép các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý phải xem xét, phối hợp với địa phương và Sở Tài nguyên và Môi trường bảo đảm phạm vi an toàn hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn lân cận.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng bảo đảm phù hợp với quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị của tỉnh.

Điều 30. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch phát triển đồng bộ hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin và quy hoạch tài nguyên viễn thông trên địa bàn tỉnh phù hợp phục vụ hoạt động khí tượng thủy văn theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh thực hiện tuyên truyền, đăng tải thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu, thiên tai khí tượng thủy văn theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát xây dựng, nâng cấp, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật các mạng di động nhằm đảm bảo việc báo tin thiên tai khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh.

Điều 31. Các Sở, ngành liên quan

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

a) Lập Kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh;

b) Rà soát, tổng hợp, báo cáo về hiện trạng các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng và hoạt động quan trắc, cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn của các chủ công trình thuộc quyền quản lý;

c) Quản lý hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức, cá nhân không thuộc hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia; xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.

2. Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh thực hiện phương án cấm mốc giới, công khai mốc giới và bảo vệ hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn thuộc mạng lưới khí tượng thủy văn quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Điều 32. Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh

1. Tham gia thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn ở nội dung lồng ghép phòng, chống thiên tai vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Thu thập, đo đạc, khảo sát, thống kê, lưu trữ các dữ liệu khí tượng thủy văn phục vụ công tác theo chức năng nhiệm vụ, đồng thời cung cấp dữ liệu khí tượng thủy văn thu thập, quan trắc được cho Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn của tỉnh.

Điều 33. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Theo dõi việc chấp hành pháp luật về khí tượng thủy văn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

2. Theo dõi, đánh giá, khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

3. Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền về khí tượng thủy văn; tham gia giải quyết, xử lý vi phạm về khí tượng thủy văn theo thẩm quyền.

4. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình hoạt động khí tượng thủy văn, thiệt hại do thiên tai khí tượng thủy văn gây ra trên địa bàn.

5. Tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo về khai thác, bảo vệ công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn.

6. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 34. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tham gia bảo vệ công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn.

2. Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền về khí tượng thủy văn; tham gia giải quyết, xử lý vi phạm về khí tượng thủy văn theo thẩm quyền.

3. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tình hình hoạt động khí tượng thủy văn, thiệt hại do thiên tai khí tượng thủy văn gây ra trên địa bàn.

4. Tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo về khai thác, bảo vệ công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn.

5. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Xử lý chuyển tiếp

Đối với những trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng đã thành lập, tổ chức, cá nhân xây dựng hồ sơ, chỉ giới đất, phạm vi hành lang kỹ thuật công trình và từng bước xử lý, khắc phục theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ, đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình trước khi thực hiện việc khắc phục hành lang kỹ thuật công trình.

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc các Sở, thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Quốc Nam